

Số : 10 /2019/NTW-CBTT

Nhơn Trạch, Ngày 11 tháng 10 năm 2019

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 09/2019

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 32 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 32 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 0

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu, đường số 2 huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước + Đường số 2	16	16	16	0	16	0	0
		Cộng	16	16	16	0	16	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- **Kết luận:** Chất lượng nước tại trạm bơm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
Trần trọng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lương Thắng

Số: 2259 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02259.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 05/09/2019
Ngày trả kết quả : 19/09/2019
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,21	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,44 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	21,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,31 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	7,67 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	65,49 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	3,46 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,43 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Loanh

Biên Hòa, ngày 18 tháng 9 năm 2019
GIÁM ĐỐC



Số: 2260 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02260.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 05/09/2019
Ngày trả kết quả : 19/09/2019
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,32	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,31 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	25,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,31 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	10,40 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	64,97 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	3,52 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,43 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

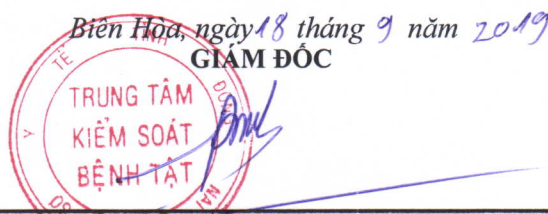
** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM *μ*

Phạm Văn Thanh



Số: 2261 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02261.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 05/09/2019
Ngày trả kết quả : 19/09/2019
Địa điểm lấy mẫu : 348 ấp Câu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,29	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,53 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	22,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,31 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	5,93 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	64,97 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	3,41 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,43 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

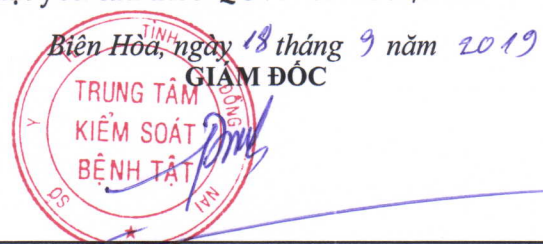
** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Loanh



Số: 2258 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02258.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 05/09/2019
Ngày trả kết quả : 19/09/2019
Địa điểm lấy mẫu : Đường 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,96	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,83 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	5,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,78 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	6,01 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	4,52 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,34 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Chánh

Biên Hòa, ngày 19 tháng 9 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Số: 2372 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02372.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 12/09/2019
Ngày trả kết quả : 26/09/2019
Địa điểm lấy mẫu : Hộ 348 ấp Cầu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,93	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,50 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	27,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,62 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	9,66 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	7.3,48 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	6,25 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

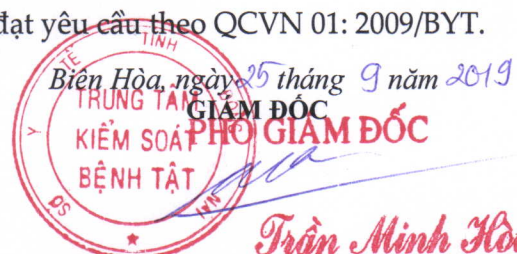
** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Trần Minh Hòa

Số: 2371 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02371.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 12/09/2019
Ngày trả kết quả : 26/09/2019
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,92	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,09 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	26,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,46 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	10,82 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	73,48 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	5,90 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

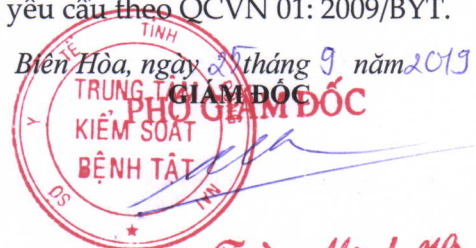
** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Chánh



Trần Minh Hòa

Số: 2370 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02370.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 12/09/2019
Ngày trả kết quả : 26/09/2019
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,99	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,06 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	27,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,46 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	10,84 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	73,48 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	5,92 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

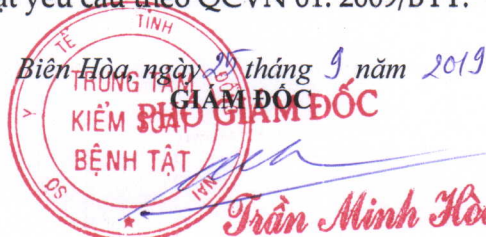
** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Trần Minh Hòa

Số: 2369 / KQ - KS BT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02369.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 12/09/2019
Ngày trả kết quả : 26/09/2019
Địa điểm lấy mẫu : Đường số 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,02	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,16 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	Không phát hiện	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,31 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	5,03 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	3,47 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,02 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

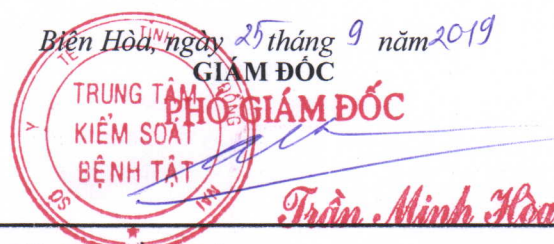
** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Số: 21498 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02498.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 19/09/2019
Ngày trả kết quả : 03/10/2019
Địa điểm lấy mẫu : Hộ 348, ấp Cầu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,04	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,07 mg/l	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	30,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	12,73 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	96,94 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	6,68 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,35 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Số: 2497/KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02497.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 19/09/2019
Ngày trả kết quả : 03/10/2019
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,02	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	32,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,52 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	97,63 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	6,79 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,38 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh

Biên Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2019
GIÁM ĐỐC
Bach Thái Bình

Số: 2496 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02496.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 19/09/2019
Ngày trả kết quả : 03/10/2019
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,99	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	31,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,79 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	97,80 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	6,09 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,42 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

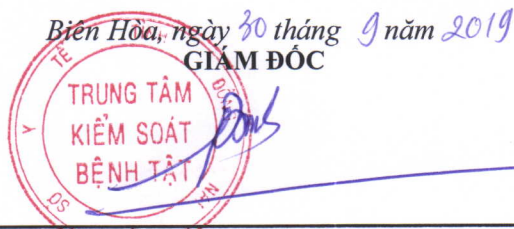
** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Khanh



Số: 2495/KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02495.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 19/09/2019
Ngày trả kết quả : 03/10/2019
Địa điểm lấy mẫu : Đường Số 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,00	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	Không phát hiện	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,78 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,88 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	3,30 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số**	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,82 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,35 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

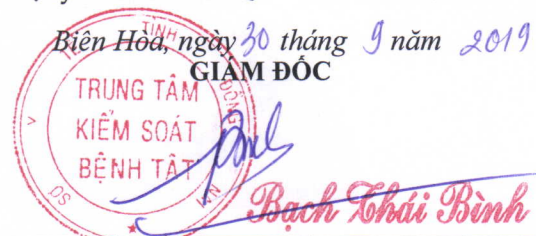
** : Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Số: 2601 / KG - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02601.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 26/09/2019
Ngày trả kết quả : 10/10/2019
Địa điểm lấy mẫu : 348, ấp Cầu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

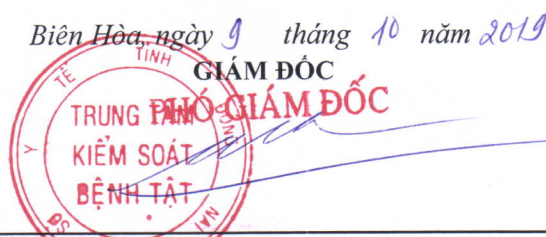
Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,16	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	3,64 TCU	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,32 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	33,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	16,32 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	136,72 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	8,91 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,33 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Số: 2599 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02599.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 26/09/2019
Ngày trả kết quả : 10/10/2019
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,96	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	3,64 TCU	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,42 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	33,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,31 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	6,86 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	137,24 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	8,29 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,32 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM


Phạm Văn Thanh



Số: 2598 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02598.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 26/09/2019
Ngày trả kết quả : 10/10/2019
Địa điểm lấy mẫu : Đường số 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,02	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	3,64 mg/l	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	Không phát hiện	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,31 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,32 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	3,30 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,15 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,35 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

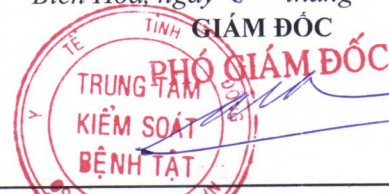
Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Loanh

Biên Hòa, ngày 9 tháng 10 năm 2019



Số: 2600 / KQ - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02600.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 26/09/2019
Ngày trả kết quả : 10/10/2019
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,21	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	3,64 TCU	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,42 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	34,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,47 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	TCVN 6178: 1996	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	3,48 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	138,63 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số **	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	8,83 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,34 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh

Biên Hòa, ngày 9 tháng 10 năm 2019

